

47. Cách sử dụng giới từ

- During = trong suốt (hoạt động diễn ra liên tục)
- From = từ >< to = đến
From ... to ... = từ ... đến... (dùng cho thời gian và nơi chốn)
From time to time = đôi khi, thỉnh thoảng
- Out of=ra khỏi><into=vào trong
Out of + noun = hết, không còn
Out of town = đi vắng
Out of date=cũ, lạc hậu >< up to date = mới, cập nhật
Out of work = thất nghiệp, mất việc
Out of the question = không thể
Out of order = hỏng, không hoạt động
- By:
động từ chỉ chuyển động + by = đi ngang qua (walk by the library)
động từ tĩnh + by = ở gần (your books are by the window)
by + thời gian cụ thể = trước lúc, cho đến lúc (hành động cho đến lúc đó phải xảy ra)
by + phương tiện giao thông = đi bằng
by then = cho đến lúc đó (dùng cho cả QK và TL)
by way of= theo đường... = via
by the way = một cách tình cờ, ngẫu nhiên
by the way = by the by = nhân đây, nhân tiện
by far + so sánh (thường là so sánh bậc nhất)=>dùng để nhấn mạnh
by accident = by mistake = tình cờ, ngẫu nhiên >< on purpose
- In = bên trong
In + month/year
In time for = In good time for = Đúng giờ (thường kịp làm gì, hơi sớm hơn giờ đã định một chút)
In the street = dưới lòng đường
In the morning/ afternoon/ evening
In the past/future = trước kia, trong quá khứ/ trong tương lai
In future = from now on = từ nay trở đi
In the beginning/ end = at first/ last = thoạt đầu/ rốt cuộc
In the way = đỗ ngang lối, chướng lối
Once in a while = đôi khi, thỉnh thoảng
In no time at all = trong nháy mắt, một thoáng
In the mean time = meanwhile = cùng lúc
In the middle of (địa điểm)= ở giữa
In the army/ airforce/ navy
In + the + STT + row = hàng thứ...
In the event that = trong trường hợp mà
In case = đề phòng khi, ngộ nhỡ
Get/ be in touch/ contact with Sb = liên lạc, tiếp xúc với ai

- On = trên bề mặt:
 On + thứ trong tuần/ ngày trong tháng
 On + a/the + phương tiện giao thông = trên chuyến/ đã lên chuyến...
 On + phố = địa chỉ... (như B.E : in + phố)
 On the + STT + floor = ở tầng thứ...
 On time = vừa đúng giờ (bắt chấp điều kiện bên ngoài, nghĩa mạnh hơn in time)
 On the corner of = ở góc phố (giữa hai phố)
 Chú ý:
 In the corner = ở góc trong
 At the corner = ở góc ngoài/ tại góc phố
 On the sidewalk = pavement = trên vỉa hè
 Chú ý:
 On the pavement (A.E.)= trên mặt đường nhựa
 (Don't brake quickly on the pavement or you can slice into another car)
 On the way to: trên đường đến >< on the way back to: trên đường trở về
 On the right/left
 On T.V./ on the radio
 On the phone/ telephone = gọi điện thoại, nói chuyện điện thoại
 On the phone = nhà có máy điện thoại (Are you on the phone?)
 On the whole= nói chung, về đại thể
 On the other hand = tuy nhiên= however
 Chú ý:
 On the one hand = một mặt thì
 on the other hand = mặt khác thì
 (On the one hand, we must learn the basic grammar, and on the other hand, we must combine it with listening comprehension)
 on sale = for sale = có bán, để bán
 on sale (A.E.)= bán hạ giá = at a discount (B.E)
 on foot = đi bộ
- At = ở tại
 At + số nhà
 At + thời gian cụ thể
 At home/ school/ work
 At night/noon (A.E : at noon = at twelve = giữa trưa (she was invited to the party at noon, but she was 15 minutes late))
 At least = chí ít, tối thiểu >< at most = tối đa
 At once =ngay lập tức
 At present/ the moment = now
 Chú ý: 2 thành ngữ trên tương đương với presently nhưng presently se khác nhau về nghĩa nếu nó đứng ở các vị trí khác nhau trong câu:
 Sentence + presently (= soon): ngay tức thì (She will be here presently/soon)
 Presently + sentence (= Afterward/ and then) : ngay sau đó (Presently, I heard her leave the room)
 S + to be + presently + V-ing = at present/ at the moment (He is presently working toward his Ph.D. degree)
 At times = đôi khi, thỉnh thoảng

At first = thoạt đầu >< at last = cuối cùng

At the beginning of / at the end of... = ở đầu/ ở cuối (dùng cho thời gian và địa điểm).

At + tên các ngày lễ : at Christmas, at Thanks Giving...

Nhưng on + tên các ngày lễ + day = on Christmas day ...

Trong dạng informal E., on trước các thứ trong tuần đôi khi bị lược bỏ: She is going to see her boss (on) Sun. morning.

At/in/on thường được không dùng trong các thành ngữ chỉ thời gian khi có mặt: next, last, this, that, one, any, each, every, some, all

At + địa điểm : at the center of the building

At + những địa điểm lớn (khi xem nó như một nơi trung chuyển hoặc gặp gỡ): The plane stopped 1 hour at Washington D.C. before continuing on to Atlanta.

At + tên các toà nhà lớn (khi xem như 1 hành động sẽ xảy ra ở đó chứ không đề cập đến toà nhà) : There is a good movie at the Center Theater.

At + tên riêng các tổ chức: She works at Legal & General Insurance.

At + tên riêng nơi các trường sở hoặc khu vực đại học: She is studying at the London school of Economics.

At + tên các hoạt động qui tụ thành nhóm: at a party/ lecture...

- Một số các thành ngữ dùng với giới từ

On the beach: trên bờ biển

Along the beach: dọc theo bờ biển

In place of = Instead of: thay cho, thay vì.

For the most part: chính là, chủ yếu là = mainly.

In hope of + V-ing = Hoping to + V = Hoping that + sentence = với hi vọng là.

off and on: dai dẳng, tái hồi

all of a sudden= suddenly = bỗng nhiên

for good = forever: vĩnh viễn, mãi mãi.